ÔN TẬP GK – OXI - KHÔNG KHÍ

Câu 1. Sự tác dụng của oxi với một chất gọi là

A. sự oxi hóa **B.** sự đốt nhiên liệu **C.** sự hô hấp **D.** sự cháy

Câu 2. Phần trăm khối lượng của Cu trong hợp chất CuO là

A. 60% **B.** 80% **C.** 50% **D.** 70%

Câu 3. Cho biết: K = 39; Mn = 55; O = 16

Nhiệt phân hoàn toàn 63,2 gam $KMnO_4$,thu được **V** lít khí oxi (ở đktc). Giá trị của **V** là

A. 4,48 lít **B.** 6,72 lít **C.** 2,24 lít **D.** 3,36 lít

Câu 4. Oxit là

A. đơn chất gồm 2 nguyên tử, trong đó có một nguyên tử là oxi.

B. hợp chất của 2 nguyên tố, trong đó có một nguyên tố là oxi.

C. hợp chất của 2 hay nhiều nguyên tố, trong đó có một nguyên tố là oxi.

D. đơn chất của 2 nguyên tố, trong đó có một nguyên tố là oxi.

Câu 5. Tính chất vật lí của oxi là

A. chất khí, không màu, không mùi, ít tan trong nước và nặng hơn không khí.

B. chất khí, không màu, không mùi, ít tan trong nước và nhẹ hơn không khí.

C. chất khí, không màu, không mùi, tan nhiều trong nước và nhẹ hơn không khí.

D. chất khí, không màu, không mùi, tan nhiều trong nước và nặng hơn không khí.

Câu 6. Butan có công thức C_4H_{10}, khi cháy trong không khí tạo ra khí cacbonic và hơi nước. Phương trình hóa học biểu diễn sự cháy của metan là

A. $C_4H_{10} + 4O_2 \xrightarrow{t^0} CO_2 + 5H_2O$

B. $C_4H_{10} + 5O_2 \xrightarrow{t^0} 4CO_2 + H_2O$

C. $C_4H_{10} + 13O_2 \xrightarrow{t^0} 4CO_2 + 5H_2O$

D. $2C_4H_{10} + 13O_2 \xrightarrow{t^0} 8CO_2 + 10H_2O$

Câu 7. Thành phần theo thể tích của không khí gồm

A. 21% khí nitơ, 78% khí oxi, 1% các khí khác (CO_2, CO, khí hiếm,…)

B. 21% các khí khác, 78% khí nitơ, 1% khí oxi.

C. 21% khí oxi, 78% khí nitơ, 1% các khí khác (CO_2, CO, khí hiếm,…)

D. 21% khí oxi, 78% các khí khác, 1% khí nitơ.

Câu 8. Muốn dập tắt ngọn lửa do xăng dầu cháy, người ta **không** dùng biện pháp nào sau đây?

A. Dùng nước. **B.** Trùm vải dày thấm nước.

C. Dùng bình chữa cháy. **D.** Phủ cát lên ngọn lửa.

LIVEWORKSHEETS

Câu 9. Điều kiện cần thiết để cho một vật có thể cháy và tiếp tục cháy được là

A. Cách li chất cháy với khí oxi.

B. Đủ khí oxi cho sự cháy.

C. Đủ khí cacbonic cho sự cháy.

D. Hạ thấp nhiệt độ xuống dưới nhiệt độ cháy.

Câu 10. Sự oxi hóa có tỏa nhiệt và phát sáng được gọi là

A. sự tự bốc cháy. **B.** sự tỏa nhiệt.

C. sự oxi hóa chậm. **D.** sự cháy.

Câu 11. Sự oxi hóa chậm khác với sự cháy là

A. không tỏa nhiệt. **B.** có tỏa nhiệt.

C. không phát sáng. **D.** có phát sáng.

Câu 12. Đốt cháy 13,95 gam photpho P trong bình chứa 6,72 lít khí oxi (ở đktc), sau phản ứng thu được **m** gam điphotpho pentaoxit (P_2O_5). Giá trị của **m** là

A. 17,04 gam **B.** 15 gam **C.** 17,40 gam **D.** 14,7 gam

Câu 13. Trong các chất sau, chất nào **không phải** là oxit bazơ?

A. CuO **B.** CaO **C.** Fe_3O_4 **D.** CO_2

Câu 14. Phát biểu nào sau đây về oxi là **<u>không</u>** đúng?

A. Oxi là phi kim hoạt động hoá học rất mạnh, đặc biệt là ở nhiệt độ cao.

B. Oxi tạo oxit axit với hầu hết kim loại.

C. Oxi không màu, không mùi, không vị.

D. Oxi cần cho sự hô hấp của con người và động vật.

Câu 15. Kim loại nào sau đây **không** tác dụng được với oxi?

A. Cu **B.** Ca **C.** Al **D.** Au

Câu 16: Hóa chất dùng để **điều chế oxi trong phòng thí nghiệm** là

(1) Fe_3O_4; (2) $KClO_3$; (3) $KMnO_4$; (4) Na_2SO_4;

(5) Không khí; (6) H_2O (7) $CaCO_3$

Câu 17: Chất nào là oxit:

Na_2O BaO MgO HCl NH_3

CH_4 SO_3 H_2SO_4 Al_2O_3 NO

Phân loại các oxit trên:

OXIT AXIT	OXIT BAZƠ	OXIT TRUNG TÍNH	OXIT LƯỠNG TÍNH

LIVEWORKSHEETS

Câu 18: Phân loại các phản ứng hóa học sau:

(1) $Ca(OH)_2 + 2CO_2 \longrightarrow Ca(HCO_3)_2$

(2) $2KMnO_4 \xrightarrow{t^0} K_2MnO_4 + MnO_2 + O_2$

(3) $2Cu + O_2 \xrightarrow{t^0} 2CuO$

(4) $CaCO_3 \xrightarrow{t^0} CaO + CO_2$

(5) $C_2H_4 + Br_2 \longrightarrow C_2H_4Br_2$

(6) $2KClO_3 \xrightarrow{t^0} 2KCl + 3O_2$

(7) $4Na + O_2 \xrightarrow{t^0} 2Na_2O$

(8) $C_2H_2 + 3H_2 \xrightarrow{t^0} C_2H_6$

(9) $2KNO_3 \xrightarrow{t^0} 2KNO_2 + O_2$

(10) $CaO + CO_2 \xrightarrow{t^0} CaCO_3$

LIVEWORKSHEETS

LIVEWORKSHEETS